

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2025/HS-ST
Ngày 02-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:

Ông Nhâm Hoàng L - Kiểm sát viên.

Ông Nguyễn Đình Tuyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/5/2025, ngày 26/5/2025 và ngày 02/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/HSST-QĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/HSST-QĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/HSST-QĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Võ Thành L, sinh năm 1960; tại Bình Dương; nơi cư trú: 63A/3 đường Cách Mạng Tháng 8, khu phố L, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; trình độ học vấn: 12/12; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; con ông Võ Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị B; bị cáo có vợ và 03 người con (con lớn nhất sinh năm 1981 và nhỏ nhất sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt

2. Đồng Phúc Đ, sinh năm 1960; tại Thanh Hóa; nơi cư trú: 137 Trịnh Hoài Đức, tổ 6, khu phố 2, phường P, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; trình độ học

vấn: 12/12; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; con ông Đồng Phúc H và bà Mai Thị X; bị cáo có vợ và 02 người con (sinh năm 1987 và sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Lê Văn Q, sinh năm 1958; tại Bình Dương; nơi cư trú: Số 65, khu phố T2, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; trình độ học vấn: 12/12; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; con ông Lê Văn D2 và bà Trương Thị X1; bị cáo có vợ và 03 người con (con lớn nhất sinh năm 1980 và nhỏ nhất sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Dương Ngọc V, sinh năm 1964; tại Bình Dương; nơi cư trú: Số 34 đường N7, khu dân cư P, phường P, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; trình độ học vấn: 12/12; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; con ông Dương Văn D3 và bà Lê Thị N; bị cáo có chồng và 01 người con (sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1961; tại Bình Dương; nơi cư trú: 252 tổ 3, khu phố 2, phường P, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; trình độ học vấn: 12/12; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N1; bị cáo có vợ và 02 người con (sinh năm 1988 và sinh năm 1995); tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Phạm Thành D; ông Nguyễn Huỳnh Th và ông Nguyễn Bình D1 đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/6/2014, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương có Công văn số 955/SNN-NN gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc xin thanh lý cây rừng trồng để thi công các công trình trạm điện, công trình đường dây 220 KV Tân Định - Uyên Hưng và 200 KV Sông Mây - Uyên Hưng. Ngày 27/6/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương có Công văn số 2071/UBND-KTN, chấp thuận chủ trương cho Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương tổ chức thanh lý cây rừng trồng với tổng diện tích chặt hạ là 77.585,8 m² để phục vụ thi công các công trình trạm điện, đường dây 220 KV.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, Giám đốc Sở Tài chính ban hành Quyết định số 198/QĐ-STC ngày 18/7/2014 về việc

thành lập Hội đồng định giá - bán đấu giá tài sản thanh lý rừng trồng để phục vụ thi công các công trình trạm điện, đường dây 220 KV, gồm:

1. Bà Dương Ngọc V, Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài chính - Chủ tịch Hội đồng.
2. Ông Nguyễn Huỳnh Th, Chức vụ: Trưởng phòng Giá - Công sản - Sở Tài chính – Thành viên.
3. Ông Đồng Phúc Đ, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Giá - Công sản - Sở Tài chính - Thành viên.
4. Ông Nguyễn Văn T1, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Nông nghiệp - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn -Thành viên.
5. Ông Võ Thành L, Chức vụ: Phó Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh - Th viên.
6. Ông Nguyễn Bình D1, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý bảo vệ rừng - Chi cục Kiểm lâm tỉnh - Thành viên.

Hội đồng có nhiệm vụ định giá khởi điểm tài sản cây rừng trồng thanh lý để làm căn cứ bán đấu giá đúng quy định. Ngày 25/7/2014, Hội đồng định giá phân công các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q – Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm T - B tiến hành khảo sát thực địa để xác định số lượng, khối lượng và chất lượng cây rừng trồng (căn cứ vào hồ sơ lý lịch rừng trồng do Hạt kiểm lâm T - B lập ngày 24/02/2014), làm cơ sở tiến hành định giá:

Tổng số lượng cây rừng trồng phải thanh lý chặt hạ là 999 cây, gồm: 378 cây tràm, 577 cây sao, 44 cây xà cừ. Tổng khối lượng thương phẩm là 173,4052m³, cụ thể: cây tràm 99,1591m³, cây sao 74,2461m³, cây xà cừ 44 cây đường kính cây nhỏ hơn 20 cm.

+ Gỗ tràm: số lượng 378 cây.

Trữ lượng (V1): 146,20m³; sản phẩm chính (gỗ): 99,13m³; củi: 47,07m³.

+ Gỗ sao: số lượng 577 cây.

- Trữ lượng: 97,72 m³.

- Sản phẩm chính: 74,24 m³.

+ Gỗ xà cừ: số lượng 44 cây, trữ lượng 0,4 m³ = 0,57 ster củi. Do cây còn nhỏ nên không có sản phẩm chính.

Sau khi khảo sát thực địa để xác định số lượng, khối lượng và chất lượng cây rừng trồng, bị cáo Võ Thành L căn cứ vào Thông tư 35/2011 ngày 20/5/2011 về hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ và Thông tư 70/2011 ngày 24/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 35/2011 ngày 20/5/2011, đường kính cây gỗ sao (nhóm 2) được khai thác phải đạt đường kính tối thiểu 45 cm, những cây sao có đường kính dưới 45 cm là cây còn non, chưa đến tuổi khai thác. Nếu tính toàn bộ những cây sao có đường kính dưới 45 cm là cây còn non chưa đến tuổi khai thác để quy ra củi ster để bán thì gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước nên bị cáo Võ Thành L đã xác định những cây sao có đường kính dưới 30 cm là cây còn non, chưa thành thực, giá trị sử dụng là gỗ không có nên đã hạ khối lượng sản phẩm chính theo hồ sơ lý lịch rừng trồng do Hạt Kiểm lâm T - B lập ngày 24/02/2014 từ 74,24m³ xuống còn 12,51m³. Số lượng sản phẩm chính còn lại 61,73m³ chuyển thành củi để bán. Vì vậy khối lượng củi tăng lên thành 85,21m³ (củi thực tế là 23,48m³).

Bị cáo Võ Thành L được giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng cây rừng trồng đã đề xuất Hội đồng định giá tài sản thanh lý rừng trồng chọn những cây sao có đường kính dưới 30 cm là gỗ quy thành củi để bán là không đúng theo quy định của pháp luật, ký tên trong Biên bản định giá tài sản thanh lý rừng trồng ngày 25/7/2014.

Bị cáo Lê Văn Q được giao quản lý tài sản (rừng trồng), tham gia định giá với tư cách là đại diện đơn vị quản lý tài sản, nhưng khi bị cáo Võ Thành L đề xuất chọn những cây sao có đường kính dưới 30cm quy thành củi để bán thì bị cáo Q không ý kiến. Khi định giá khởi điểm cây rừng trồng thanh lý, bị cáo Lê Văn Q biết rõ bị cáo Võ Thành L áp dụng sai quy định pháp luật (quy gỗ thành củi để bán) nhưng vẫn đồng ý ký tên, đóng dấu vào biên bản định giá tài sản thanh lý rừng trồng ngày 25/7/2014.

Trên cơ sở khối lượng và phân loại cây rừng trồng đã xác định như trên, bị cáo Đồng Phúc Đ đã tiến hành khảo sát giá thực tế bằng cách điện thoại hỏi giá cây sao, cây trầm (cây rừng trồng, cây đứng tại rừng) tại Hộ kinh doanh cá thể của ông Trần Xuân T3, hộ kinh doanh cá thể của ông Võ Văn B2 và ông Nguyễn Minh Đ1 - Công ty TNHH Y và không nói rõ đường kính của cây sao, cây trầm.

Sau khi điện thoại khảo sát giá, bị cáo Đồng Phúc Đ đề xuất mức giá khởi điểm và được Hội đồng định giá thống nhất như sau:

- + Cây trầm: Sản phẩm chính (gỗ) 1.600.000 đồng/m³, củi 250.000 đồng/ster.
- + Cây sao: Sản phẩm chính (gỗ) 800.000 đồng/m³, củi 250.000 đồng/ster.
- + Cây xà cừ: Không có sản phẩm chính (gỗ), củi 120.000 đồng/ster.

Bị cáo Đồng Phúc Đ đồng ý với đề xuất của bị cáo Võ Thành L chọn những cây sao có đường kính dưới 30cm quy thành củi để bán và không lập

phiếu khảo sát giá, không tuân thủ quy định khi tiến hành định giá tài sản cây rừng trồng thanh lý, ký tên trong Biên bản định giá tài sản thanh lý rừng trồng ngày 25/7/2014.

Sau khi khảo sát thực địa và thống nhất được giá cây rừng trồng thanh lý, ngày 25/7/2014, các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q đến trụ sở Hạt Kiểm lâm T - B nhờ ông Phạm Thành D - Kiểm lâm viên Hạt kiểm lâm T - B lập biên bản định giá thanh lý rừng trồng. Sau khi lập xong biên bản, các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ ký tên thành viên Hội đồng. Bị cáo Lê Văn Q ký tên và đóng dấu với tư cách là đại diện Hạt Kiểm lâm T - B, ông Phạm Thành D ký tên là Thư ký Hội đồng định giá tài sản thanh lý rừng trồng (biên bản định giá thanh lý rừng trồng do ông D lập ghi sai về số lượng cây tràm thanh lý, theo biểu tổng hợp số lượng cây tràm thanh lý do Hạt Kiểm lâm T - B lập là 378 cây nhưng trong biên bản định giá thanh lý rừng trồng ghi số lượng cây tràm thanh lý là 377 cây).

Bị cáo Dương Ngọc V - Chủ tịch Hội đồng và bị cáo Nguyễn Văn T1 - Thành viên không tham gia họp Hội đồng định giá nhưng đã thống nhất đồng ý ký tên trong biên bản định giá tài sản thanh lý rừng trồng.

Ngày 25/7/2014, Hội đồng định giá định giá toàn bộ lô cây rừng trồng thanh lý là 201.554.400 đồng.

Ngày 31/7/2014, Sở Tài chính tỉnh Bình Dương ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 23/2014/HĐ-BĐG-MHL với Công ty TNHH MTV M, thực hiện bán đấu giá tài sản. Hình thức bán đấu giá 01 lần bỏ phiếu kín. Giá khởi điểm 201.554.400 đồng.

Ngày 04/8/2014, Công ty TNHH MTV M ký Hợp đồng quảng cáo số 295/HĐ-BĐT với Báo Đầu thầu về việc đăng Thông báo bán đấu giá tài sản trên trang thông tin điện tử - thongtindauthau.com.vn. Thời gian mở cuộc đấu giá vào ngày 14/8/2014 tại Công ty TNHH MTV M. Phiên đấu giá có 24 cá nhân, tổ chức tham dự. Người trả giá cao nhất là ông Trần Văn T5 - Công ty TNHH MTV TM Gổ G với giá 892.000.000 đồng. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở cuộc đấu giá, ông Trần Văn T5 không đến Công ty TNHH MTV M để ký hợp đồng và thanh toán tiền mua hàng nên kết quả phiên đấu giá bị hủy. Để tiếp tục thực hiện bán đấu giá theo quy định, thủ tục, quy trình bán đấu giá phải làm lại từ đầu. Ngày 25/8/2014, Sở Tài chính tỉnh Bình Dương tiếp tục ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 24/2014/HĐ-BĐG-MHL với Công ty TNHH MTV M và giá khởi điểm vẫn là 201.554.400 đồng.

Ngày 25/8/2014, Công ty TNHH MTV M ký Hợp đồng thông tin quảng cáo số 1011/2014/HĐTT-QC/-BBD với Báo Bình Dương về việc đăng Thông báo bán đấu giá tài sản trên Báo điện tử. Thời gian mở cuộc đấu giá vào ngày

04/9/2014 tại Công ty TNHH MTV M. Phiên đấu giá có 06 cá nhân, tổ chức tham dự và người trả giá cao nhất là ông Nguyễn Văn X2 - Hộ kinh doanh cá thể mua với giá 210.000.000 đồng. Ngày 04/9/2014, Công ty TNHH MTV M ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 24/2014/HĐ-MHL với ông Nguyễn Văn X2 với giá 210.000.000 đồng.

Ngày 30/9/2014, ông Nguyễn Minh H1 làm đơn tố cáo Công ty TNHH MTV M chiếm đoạt tiền của Nhà nước thông qua việc bán đấu giá tài sản thanh lý cây rừng trồng phục vụ thi công công trình trạm điện, công trình đường dây 220KV Tân Định - Uyên Hưng và 200KV Sông Mây - Uyên Hưng.

Ngày 13/4/2015, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 06/PC46 về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự để định giá cây rừng trồng thanh lý phục vụ thi công công trình đường dây 220 KV.

Ngày 28/5/2015, Hội đồng định giá tài sản thanh lý cây rừng trồng của Cơ quan Cảnh sát điều tra kết luận định giá cây rừng trồng thanh lý phục vụ thi công công trình đường dây 220 KV là 350.000.000 đồng.

Trên cơ sở kết luận định giá tài sản ngày 28/5/2015 của Hội đồng định giá tài sản thanh lý cây rừng trồng của Cơ quan Cảnh sát điều tra kết luận định giá tài sản là 350.000.000 đồng và kết quả bán đấu giá tài sản cây rừng trồng thanh lý là 210.000.000 đồng. Các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ, Lê Văn Q vi phạm chế độ quản lý tài sản, không lập phiếu khảo sát giá, không tuân thủ quy định khi tiến hành định giá tài sản cây rừng trồng thanh lý đã gây thất thoát tài sản Nhà nước 140.000.000 đồng.

Ngày 04/8/2022, các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q đã liên đới nộp tiền khắc phục hậu quả 148.446.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 150/CT-VKSBD-P1 ngày 26/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố:

Các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ, Lê Văn Q về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo khoản 1 Điều 219 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Dương Ngọc V và Nguyễn Văn T1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 219; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Võ Thanh L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo Đồng Phúc Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo Lê Văn Q từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 360; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Dương Ngọc V từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 360; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 140.000.000 đồng do các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q nộp khắc phục hậu quả. Hoàn trả cho các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q 8.446.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Huỳnh Th, ông Nguyễn Bình D1 là thành viên Hội đồng định giá, bán đấu giá tài sản cây rừng trồng thanh lý. Ngày 25/7/2014, ông Th, ông D1 được lãnh đạo phân công nhiệm vụ khác nên không tham gia họp và không ký tên vào biên bản định giá tài sản thanh lý rừng trồng. Do đó, hành vi của ông Nguyễn Huỳnh Th, ông Nguyễn Bình D1 không đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với ông Phạm Thành D không phải là thành viên Hội đồng định giá, bán đấu giá tài sản cây rừng trồng thanh lý, ông D được các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q nhờ hoàn thiện biên bản trên cơ sở nội dung biên bản được soạn thảo sẵn sau khi đã họp, thống nhất định giá tài sản cây rừng trồng thanh lý ngày 25/7/2014. Ông D không tham gia vào quá trình khảo sát, bàn bạc, thống nhất tính toán khối lượng gỗ cùng các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q. Do đó, hành vi của ông Nguyễn Th D không đủ căn cứ xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố. Các bị cáo không trình bày lời bào chữa. Nói lời sau cùng các bị cáo trình bày đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, trong quá trình công tác đến lúc nghỉ hưu các bị cáo đã hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ và được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen; các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật của Nhà nước đây là lần đầu tiên các bị cáo phạm tội do các bị cáo mong muốn hoàn thành tốt nhiệm

vụ được giao, không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện công trình trạm điện, công trình đường dây 220 KV Tân Định - Uyên Hưng và 200 KV Sông Mỹ - Uyên Hưng nên có sai sót; các bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại. Hiện nay, các bị cáo đã lớn tuổi và đang phải điều trị bệnh nên xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các bị cáo là đúng thẩm quyền. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chấp thuận chủ trương cho Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Dương tổ chức thanh lý cây rừng trồng để thi công các công trình trạm điện, công trình đường dây 220 KV Tân Định - Uyên Hưng và 220 KV Sông Mỹ - Uyên Hưng. Ngày 18/7/2014, Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Bình Dương thành lập Hội đồng định giá - bán đấu giá tài sản thanh lý rừng trồng để phục vụ thi công các công trình trạm điện, công trình đường dây 220 KV Tân Định - Uyên Hưng và 200 KV Sông Mỹ - Uyên Hưng. Ngày 25/7/2014, Hội đồng định giá tài sản thanh lý rừng trồng phân công các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm T – B tiến hành khảo sát thực địa để xác định số lượng, khối lượng và chất lượng cây rừng trồng (*căn cứ vào hồ sơ lý lịch rừng trồng do Hạt Kiểm lâm T – B lập ngày 24/02/2014*), làm cơ sở tiến hành định giá.

[2.2] Bị cáo Võ Thành L đã đề xuất Hội đồng định giá tài sản thanh lý rừng trồng chọn những cây sao có đường kính dưới 30 cm là gỗ quy thành củi để bán là không đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3] Bị cáo Đồng Phúc Đ đồng ý với đề xuất của bị cáo Võ Thành L chọn những cây sao có đường kính dưới 30cm quy thành củi để bán và không lập

phiếu khảo sát giá, không tuân thủ quy định khi tiến hành định giá tài sản cây rừng trồng thanh lý.

[2.4] Bị cáo Lê Văn Q là đại diện đơn vị quản lý tài sản, nhưng khi bị cáo Võ Thành L đề xuất chọn những cây sao có đường kính dưới 30cm quy thành củi để bán thì bị cáo Q không ý kiến. Khi định giá khởi điểm cây rừng trồng thanh lý, bị cáo Lê Văn Q biết rõ bị cáo Võ Thành L áp dụng sai quy định pháp luật (quy gỗ thành củi để bán) nhưng vẫn đồng ý ký tên, đóng dấu vào biên bản định giá tài sản thanh lý rừng trồng ngày 25/7/2014.

[2.5] Bị cáo Dương Ngọc V - Chủ tịch Hội đồng, bị cáo Nguyễn Văn T1 - thành viên Hội đồng định giá, không họp Hội đồng định giá, bán đấu giá tài sản cây rừng trồng thanh lý vào ngày 25/7/2014 nhưng vẫn đồng ý ký vào biên bản họp Hội đồng định giá, bán đấu giá tài sản cây rừng trồng thanh lý.

[2.6] Các bị cáo khi tiến hành định giá tài sản cây rừng trồng thanh lý không tuân thủ quy định về việc xác định khối lượng gỗ rừng trồng, giá khởi điểm cây rừng trồng thanh lý, thống nhất định giá đối với trữ lượng gỗ của 378 cây tràm, 577 cây sao, 44 cây xà cừ là 201.554.400 đồng, đưa ra bán đấu giá được 210.000.000 đồng. Căn cứ kết luận định giá là 350.000.000 đồng nên đã gây thất thoát tài sản Nhà nước 140.000.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” quy định tại khoản 1 Điều 219 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Dương Ngọc V và Nguyễn Văn T1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.1] Các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Bị cáo Dương Ngọc V được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba do đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2013 đến năm 2017, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Bị cáo Nguyễn Văn T1 được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bị cáo Võ Thành L được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng Huy chương vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây thất thoát ngân sách Nhà nước. Các bị cáo nhận thức được trách nhiệm và quyền hạn trong thực hiện nhiệm vụ được phân công. Trong đó, các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q là thành viên của Hội đồng định giá được phân công trực tiếp tiến hành khảo sát thực địa để xác định số lượng, khối lượng, chất lượng cây rừng trồng và khảo sát giá để định giá. Bị cáo Dương Ngọc V và Nguyễn Văn T1 là thành viên của Hội đồng định giá không trực tiếp tham gia định giá tài sản nhưng vẫn đồng ý giá do Hội đồng định giá. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 140.000.000 đồng do các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q tự nguyện nộp khắc phục hậu quả. Hoàn trả cho các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q 8.446.000 đồng.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, trường hợp của các bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 nên không cần thiết buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Ngoài ra trong quá trình công tác các bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen, các bị cáo là người cao tuổi và hiện đang điều trị bệnh. Do đó, việc cho các bị cáo được hưởng án treo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với những người phạm tội lần đầu, biết ăn năn hối cải, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội.

[8] Đối chiếu các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân của các bị cáo với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt và xử lý vật chứng là phù hợp.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các bị cáo là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ và Lê Văn Q phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”;

Các bị cáo Dương Ngọc V và Nguyễn Văn T1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 219; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thành L 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Võ Thành L cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 219; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Đồng Phúc Đ 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đồng Phúc Đ cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố D, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 360; điểm v, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Ngọc V 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Dương Ngọc V cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố D, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.4. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 360; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố D, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Trả cho bị cáo Võ Thành L 2.815.333 đồng (Hai triệu tám trăm mười lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Trả cho bị cáo Đồng Phúc Đ 2.815.333 đồng (Hai triệu tám trăm mười lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Trả cho bị cáo Lê Văn Q 2.815.334 đồng (Hai triệu tám trăm mười lăm nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

(Theo Công văn số 2653/PC03-Đ1 ngày 17/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đề nghị trích tài khoản 3949 chuyển sang Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, các bị cáo Võ Thành L, Đồng Phúc Đ, Lê Văn Q, Dương Ngọc V và Nguyễn Văn T1 được miễn án phí.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND phường A, tp A;
- UBND phường P, tp D;
- UBND phường V, tp T;
- UBND phường P, tp D;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thêm